



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TOAN (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – PHẠM THỊ KIM DUNG – NGUYỄN THỊ THỌ

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

6

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

1. CBQLGD: cán bộ quản lý giáo dục
2. CC: chăm chỉ
3. ĐCHV: điều chỉnh hành vi
4. GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
5. GQVĐ: giải quyết vấn đề và sáng tạo
6. GT-HT: giao tiếp và hợp tác
7. GV: giáo viên
8. HS: học sinh
9. NA: nhân ái
10. NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11. PTBT: phát triển bản thân
12. SGK: sách giáo khoa
13. SGV: sách giáo viên
14. TC-TH: tự chủ, tự học
15. TH-TG: tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.
16. TN: trách nhiệm
17. TT: trung thực
18. YN: yêu nước



MỤC LỤC

Trang

Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	5
1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở nói chung và lớp 6 nói riêng	5
1.2. Những điểm mới	6
2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC	8
2.1. Cấu trúc sách giáo khoa	8
2.2. Cấu trúc từng chủ đề/ bài học	12
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	16
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học Giáo dục công dân	16
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân	18
4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	23
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	23
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân	25
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM	27
5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	27
5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học	29
6. KHAI THÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	32
7. MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	35
7.1. Về phía nhà trường	35
7.2. Về phía cán bộ, giáo viên được phân công phụ trách môn học Giáo dục công dân 6	35

Phần hai. GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

MỘT SỐ DẠNG BÀI 37

- 1. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC 37**
- 2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG 43**
- 3. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KINH TẾ 47**
- 4. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 50**

Phần ba. CÁC NỘI DUNG KHÁC..... 54

- 1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6 54**
 - 1.1. Kết cấu sách giáo viên54
 - 1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả54
- 2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO 55**

1 GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6**1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở nói chung và lớp 6 nói riêng**

SGK môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở nói chung và lớp 6 nói riêng được biên soạn dựa trên cơ sở: 1/ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; 2/ Các định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân; 3/ Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết SGK; 4/ Đặc điểm HS trung học cơ sở; 5/ Đặc trưng môn Giáo dục công dân theo định hướng tiếp cận năng lực.

Từ những cơ sở trên, SGK Giáo dục công dân 6 được biên soạn theo các quan điểm sau:

- 1/ Phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.
- 2/ Kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại.
- 3/ Phù hợp với chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở.
- 4/ Gắn với thực tiễn của HS trung học cơ sở: Các thông tin, tình huống, câu chuyện, bài tập,... được chắt lọc từ những tình huống tiêu biểu, gắn với thực tiễn cuộc sống sinh động của HS trong gia đình, nhà trường và xã hội.
- 5/ Đảm bảo tính hệ thống: Sách được biên soạn theo ma trận các chủ đề/ bài học thống nhất từ lớp 6 đến lớp 9. Các mạch nội dung của sách được sắp xếp khoa học theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ (quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên), đảm bảo tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.
- 6/ Chú trọng tích hợp nội môn giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật; tích hợp liên môn giữa Giáo dục công dân với Ngữ văn, Mĩ thuật, Âm nhạc, Lịch sử – Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...
- 7/ Chú trọng yêu cầu dạy học phân hoá theo năng lực HS (các nhiệm vụ học tập đa dạng được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao, dành cho HS có cấp độ năng lực khác nhau); phân hoá theo vùng miền (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,... đa dạng, phản ánh sự đa dạng của các vùng miền).

8/ Đảm bảo tính mở: Các hoạt động dạy học mang tính chất gợi mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

1.2. Những điểm mới

Việc biên soạn SGK Giáo dục công dân mới dựa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những ưu điểm của SGK hiện hành và kinh nghiệm quốc tế về biên soạn SGK theo định hướng phát triển năng lực.

1.2.1. Kế thừa những ưu điểm của sách giáo khoa Giáo dục công dân hiện hành

SGK Giáo dục công dân hiện hành có một số ưu điểm như: Phù hợp với truyền thống văn hoá, lịch sử, địa lí, đạo đức và thuần phong mỹ tục Việt Nam, nội dung sách đảm bảo tính khoa học, gần gũi với cuộc sống và nhẹ nhàng, dễ hiểu, phù hợp với nhận thức của HS lớp 6,... SGK Giáo dục công dân 6 kế thừa những ưu điểm đó và chú trọng việc rèn luyện kỹ năng, vận dụng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống nhằm phát huy vai trò chủ động của người học. Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực cho HS của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn Giáo dục công dân.

1.2.2. Kinh nghiệm quốc tế về biên soạn sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực

Việc biên soạn SGK Giáo dục công dân 6 dựa trên việc nghiên cứu SGK Giáo dục công dân của một số quốc gia có nền giáo dục phát triển để rút ra những bài học kinh nghiệm như:

- 1/ Sách đặc biệt chú trọng rèn kỹ năng điều chỉnh hành vi, phát triển năng lực HS qua các bài tập tình huống.
- 2/ Sách được chia thành các bài học nhỏ. Nội dung được tổ chức theo một hệ thống có kết cấu chặt chẽ.
- 3/ Nội dung sách tích hợp nhuần nhuyễn kiến thức của nhiều môn học, khiến cho việc học tập của HS không bị nhàm chán.
- 4/ Sách hướng tới hình thành khả năng tự học, để HS có thể bày tỏ suy nghĩ về các vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật; chia sẻ với thầy cô, các bạn việc thực hành nó trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra, HS còn trao đổi, tham khảo vấn đề đó với người lớn trong gia đình hoặc những người xung quanh. Vì thế, SGK Giáo dục công dân không chỉ dùng trong nhà trường mà còn cần sự phối hợp chặt chẽ từ gia đình và nơi ở của HS.
- 5/ Sách kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình. Giấy in đẹp. Tranh ảnh đạt độ thẩm mỹ cao.

1.2.3. Điểm nổi bật trong SGK Giáo dục công dân 6

1/ Thông điệp của sách là “*Khám phá tri thức – Kết nối yêu thương – Cùng em vui bước vào đời*”. Thông điệp này là sự cụ thể hoá thông điệp chung “*Kết nối tri thức với cuộc sống*” từ bộ sách của NXBGDVN.

Tinh thần “*Khám phá tri thức*” đáp ứng mục tiêu của chương trình “*Hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực*” đồng thời thể hiện quan điểm đổi mới SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực của người học nhưng không xem nhẹ vai trò của tri thức.

Tuy nhiên, sách không quá chú trọng vào việc khám phá tri thức. Tri thức chỉ là chất liệu để hình thành phẩm chất đạo đức mà hạt nhân là lòng nhân ái. Tinh thần “*Kết nối yêu thương*” giúp HS hình thành phẩm chất nhân ái, tình yêu thương “*yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người*” như mục tiêu của chương trình đã đề ra.

Cùng với đó, sách hướng tới việc giáo dục kỹ năng sống, năng lực điều chỉnh hành vi cho học sinh. Tinh thần “*Cùng em vui bước vào đời*” thể hiện thông điệp “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”. Từ hiểu biết đến yêu thương và hành động trong niềm vui sống mỗi ngày là con đường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật một cách nhẹ nhàng, sinh động, hấp dẫn.

2/ Nội dung SGK Giáo dục công dân 6 gồm 12 bài học, trong đó 35% nội dung dành cho giáo dục đạo đức (5 bài); 20% nội dung dành cho giáo dục kỹ năng sống (2 bài); 10% nội dung dành cho giáo dục kinh tế (1 bài); 25% nội dung dành cho giáo dục pháp luật (4 bài) và 10% còn lại dành cho ôn tập, kiểm tra, đánh giá. Nội dung mỗi bài học chất lọc từ những tình huống tiêu biểu, gắn với thực tiễn cuộc sống sinh động của HS trong gia đình, nhà trường và xã hội. Các mạch nội dung của sách được sắp xếp khoa học theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ (Quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với nhà trường, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên) đồng thời đảm bảo tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.

SGK Giáo dục công dân 6 nhằm giúp HS phát triển các phẩm chất đã được hình thành ở cấp Tiểu học; có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống. Đồng thời, sách giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi

theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3/ *Hình thức* trình bày SGK Giáo dục công dân 6 hướng tới sự hấp dẫn nhằm kích thích sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của HS. Nhờ đó, việc học Giáo dục công dân sẽ trở thành một hành trình khám phá đầy thú vị. SGK Giáo dục công dân 6 chú ý kết hợp hài hoà giữa nội dung và hình thức, giữa kênh hình và kênh chữ. Kênh chữ được diễn đạt bằng những từ ngữ ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, gần gũi với HS. Sách được in trên khổ giấy to, chất lượng giấy tốt, hình ảnh, màu sắc đẹp. SGK Giáo dục công dân 6 cũng được số hoá thành phiên bản sách điện tử riêng, nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ số vào giáo dục.

4/ SGK Giáo dục công dân 6 hướng tới vai trò là phương tiện hỗ trợ GV, HS và gia đình HS trong quá trình xã hội hoá giáo dục:

- Là phương tiện giúp *GV đổi mới phương pháp*, tổ chức thành công quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của HS. Với SGK mới, GV không thể truyền thụ tri thức một chiều hay áp đặt các bài học đạo đức, pháp luật, kinh tế và kĩ năng sống cho HS mà phải hướng dẫn HS khám phá, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng và vận dụng thành công vào thực tiễn thông qua những hoạt động học tập phong phú, đa dạng, sáng tạo.
- Là phương tiện giúp *HS tự học*, tự chủ, sáng tạo để phát huy năng lực của bản thân một cách hiệu quả thông qua các nhiệm vụ học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/ đọc/ kể chuyện, thảo luận nhóm, đóng vai xử lí tình huống,... HS được đặt vào các tình huống có vấn đề để tự đưa ra các cách xử lí khác nhau một cách dân chủ, linh hoạt và sáng tạo.
- Là phương tiện hỗ trợ và thu hút sự tham gia của gia đình vào quá trình giáo dục HS ở nhà. Các nội dung được trình bày rõ ràng, dễ hiểu để phụ huynh có thể hướng dẫn con một cách nhất quán với quá trình tổ chức dạy học của GV trên lớp.

2 CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách giáo khoa

Phần đầu của sách gồm: Hướng dẫn sử dụng sách; Lời nói đầu; Mục lục; Cuối sách là phần Giải thích một số thuật ngữ dùng trong sách.

Cấu trúc các chủ đề/ bài học: SGK Giáo dục công dân 6 được triển khai từ 10 chủ đề thành các nội dung cụ thể với những mục tiêu về phẩm chất, năng lực và yêu cầu cần đạt đối với các nội dung dạy – học cụ thể ở từng chủ đề giáo dục như sau:

Nội dung chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
			Năng lực chung	Năng lực đặc thù
Tự hào truyền thống gia đình dòng họ	– Nêu được một số truyền thống gia đình, dòng họ.	TN, CC, YN, NA	TC-TH, GT-HT	ĐCHV, PTBT
	– Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.			
	– Thực hiện giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.			
Yêu thương con người	– Nêu được khái niệm, biểu hiện và giá trị của tình yêu thương con người.	YN, NA, TN, CC	GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.			
	– Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương yêu của người khác; phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.			
Siêng năng kiên trì	– Nêu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.	CC, TN, TT	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT
	– Thực hiện siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.			
	– Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.			
	– Quý trọng những người siêng năng kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.			

Tôn trọng sự thật	– Nêu được một số biểu hiện của việc tôn trọng sự thật	TT, TN	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT
	– Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật.			
	– Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.			
Tự lập	– Nêu được khái niệm tự lập; biểu hiện của người có tính tự lập.	YN, NA, CC, TN	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Giải thích được vì sao phải tự lập.			
	– Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.			
	– Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.			
Tự nhận thức bản thân	– Nêu được thể nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.	NA, CC, TN, TT	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.			
	– Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.			
Ứng phó với tình huống nguy hiểm	– Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.	NA, TT, TN	GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.			
	– Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để bảo đảm an toàn.			

Tiết kiệm	– Nêu được khái niệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước...); hiểu vì sao phải tiết kiệm.	CC, TN, TT	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.			
	– Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh, phê phán những biểu hiện lãng phí.			
Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được khái niệm công dân.	YN, TN, CC	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.			
	– Tự hào là công dân Việt Nam.			
Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	– Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ công dân.	TN, TT	GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Thực hiện được quyền và nghĩa vụ công dân phù hợp với lứa tuổi.			
Quyền cơ bản của trẻ em	– Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.	NA, CC, TN, TT	GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Nêu được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.			
Thực hiện quyền trẻ em	– Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.	NA, CC, TN, TT	TC-TH, GT-HT, QGVĐ	ĐCHV, PTBT, TH-TG
	– Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.			
	– Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.			
	– Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt quyền trẻ em.			

2.2. Cấu trúc từng chủ đề/ bài học

Nội dung SGK Giáo dục công dân 6 gồm 12 bài học. Cấu trúc mỗi bài dựa trên tiến trình nhận thức của HS, từ việc *Nhận biết* đến *Thấu hiểu*, *Tin tưởng* và *Hành động*; tuân thủ quy trình dạy học trải nghiệm: *Từ kinh nghiệm rời rạc – Quan sát phản tỉnh – Nhận thức mới – Thử nghiệm, vận dụng tích cực*.

Mỗi bài học được thiết kế thống nhất theo mô hình gồm hệ thống các hoạt động:

1/ *Khởi động*: Hoạt động tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú cho HS để vào bài mới. Hình thức khởi động có thể là một trò chơi, bài hát, câu hỏi gợi mở,...

Ví dụ trong bài 7 – *Ứng phó với tình huống nguy hiểm* trang 30 hoạt động Khởi động được thể hiện như sau:



KHỞI ĐỘNG

Em hãy chia sẻ về một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến theo gợi ý sau:

- Tình huống đó diễn ra khi nào?
- Em đã làm gì khi gặp tình huống đó?

Hoặc trong bài 8 – *Tiết kiệm* trang 35:



KHỞI ĐỘNG

Em hãy cùng các bạn nghe/ hát bài hát "Đội em làm kế hoạch nhỏ" (sáng tác: Phong Nhã).

Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của hoạt động "làm kế hoạch nhỏ" của các bạn thiếu niên trong bài hát?

2/ *Khám phá*: Giúp HS tìm hiểu nội dung kiến thức của chủ đề; huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề có nội dung liên quan tới chủ đề bài học; rèn luyện cho HS năng lực phân tích khái niệm; cung cấp cho HS cơ sở của những kiến thức được đề cập trong chủ đề.

Dựa trên những tình huống, câu chuyện hay thông tin từ trong cuộc sống có liên quan đến chủ đề, GV nêu các câu hỏi để HS tự rút ra khái niệm, nội dung vấn đề. GV chỉ là người chốt lại hoặc chính xác hoá các nội dung đó.

Các hoạt động trong phần này tập trung vào giải quyết ba câu hỏi chính: Nêu và giải thích khái niệm; tìm dấu hiệu đặc điểm của khái niệm đó; tìm hiểu và phân tích nội

dung vấn đề nghiên cứu và phương pháp hình thành, phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực cho HS.

Ví dụ trong bài 11 – Quyền cơ bản của trẻ em trang 50, 51, 52, 53 phần Khám phá được thể hiện như sau:

KHÁM PHÁ

1. Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em

Ngày 20-11-1989 Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào ngày 20-2-1990.

Căn cứ theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tiếp thu những nội dung của Công ước về quyền trẻ em, Quốc hội đã xây dựng và ban hành Luật Trẻ em năm 2016. Theo đó, trẻ em có bốn nhóm quyền cơ bản sau: Nhóm quyền được sống còn; Nhóm quyền được bảo vệ; Nhóm quyền được phát triển; Nhóm quyền được tham gia.



• Nhóm quyền được sống còn

Em hãy đọc thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh dưới đây để xác định các quyền trong nhóm quyền được sống còn của trẻ em.

Trẻ em có quyền được sống và được đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như: có nơi ở, được khai sinh, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe.... Trẻ em còn non nớt về thể chất và tinh thần nên gặp nhiều nguy cơ nhất cho sự sống còn. Vì vậy, trẻ em rất cần được quan tâm, chăm sóc về dinh dưỡng, y tế và tinh cảm để duy trì sự sống.




Con ăn nhiều cho mau khỏe nhé!

• Nhóm quyền được bảo vệ

Em hãy đọc thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh dưới đây để xác định các quyền trong nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em.

Trẻ em còn non nớt về thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự trải nghiệm cuộc sống nên phải được bảo vệ để chống lại tất cả các hình thức bóc lột lao động, xâm hại tinh dục, lạm dụng ma túy, sao nhãng và bị bỏ rơi, bị bắt cóc.... Trẻ em cần được bảo vệ khỏi sự can thiệp vô cớ vào thư tín và sự riêng tư.



Sao bố lại đọc nhật kí của con?




• Nhóm quyền được phát triển

Em hãy đọc thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh dưới đây để xác định các quyền trong nhóm quyền được phát triển của trẻ em.

Trẻ em có quyền được tạo điều kiện để phát triển toàn diện, bao gồm việc học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động văn hoá, tiếp nhận thông tin, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Trẻ em cần có sự yêu thương và cảm thông của cha mẹ để phát triển hài hoà.





• Nhóm quyền được tham gia

Em hãy đọc thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh dưới đây để xác định các quyền trong nhóm quyền được tham gia của trẻ em.

Trẻ em có quyền được tham gia vào những công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của các em như: được bày tỏ ý kiến, được lắng nghe, tôn trọng, được kết giao, được bàn bạc và quyết định....




2. Ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi


1 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em đã thể hiện sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với trẻ em. Công ước đảm bảo cho trẻ em được sống, được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn, lành mạnh, bình đẳng; được tham gia vào các hoạt động xã hội; được phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần.

2 Thời phong kiến, pháp luật chủ yếu bảo hộ quyền lợi của giai cấp thống trị, quyền trẻ em không được đảm bảo. Nhiều gia đình vì quá nghèo, không đủ điều kiện nuôi dưỡng nên đã phải bán con cho các gia đình giàu có. Các em phải làm việc vất vả, không được ăn no, không được học hành, thường xuyên bị đánh mắng....

3 Em hãy cho biết, quyền trẻ em có ý nghĩa như thế nào?
 a) Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu quyền trẻ em không được thực hiện?

Kết thúc phần Khám phá là nội dung chốt kiến thức ngắn gọn, cô đọng giúp HS ghi nhớ các chuẩn mực hành vi.

Ví dụ trong bài 3 – *Siêng năng, kiên trì* trang 13 phần chốt nội dung kiến thức được thể hiện như sau:




- Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đều đặn.
- Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù gặp khó khăn, gian khổ.
- Siêng năng, kiên trì sẽ giúp con người thành công trong công việc và cuộc sống. Người siêng năng, kiên trì sẽ được mọi người tin tưởng và yêu quý.
- Mỗi khi làm việc gì, em cần có mục đích và cách thực hiện rõ ràng. Hãy chăm chỉ, kiên trì thực hiện, nếu gặp khó khăn hãy thử bằng nhiều cách để thực hiện thành công, không bỏ dở giữa chừng.

3/ *Luyện tập*: Yêu cầu HS vận dụng những kiến thức vừa lĩnh hội được ở Hoạt động khám phá để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể như: trình bày, viết, thực hành, nhận xét hành vi; xử lý tình huống; tham gia hoạt động trải nghiệm. Thông qua đó GV có thể đánh giá HS đã hiểu bài hay chưa và hiểu ở mức độ nào.


Về phương thức hoạt động, HS được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc nhóm nhỏ, nhóm lớn để hoàn thành các hoạt động thông qua các câu hỏi, bài tập, bài thực hành,... Thông thường GV cho HS hoạt động cá nhân để HS nhận biết mức độ kiến thức của mình như thế nào, có đóng góp gì vào hoạt động nhóm và xây dựng các hoạt động của tập thể lớp. Sau đó cho HS hoạt động nhóm để trao đổi, chia sẻ kết quả mình làm được, thông qua đó HS có thể học tập lẫn nhau, tự sửa lỗi cho nhau, giúp cho quá trình học tập của HS hiệu quả hơn. Tuy nhiên có những nội dung đặc thù cần thực hành dưới hình thức nhóm thì GV bắt đầu bằng hoạt động nhóm. Kết thúc hoạt động này, HS sẽ trao đổi với GV để được bổ sung, sửa chữa những nội dung chưa đúng.

Ví dụ trong bài 3 – *Siêng năng, kiên trì* trang 15, 16 phần *Luyện tập* được thể hiện như sau:



LUYỆN TẬP

1. Em hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi



? Theo em, bạn trong tranh cần làm gì để có kết quả học tập tốt hơn?

.....



?

Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì như thế nào để thực hiện ước mơ của mình?

2. Xử lí tình huống

1 Năm học này, Hân dự định đăng kí tham gia cuộc thi hùng biện bằng tiếng Anh do nhà trường tổ chức. Nhưng Hân lo lắng vì vốn từ vựng tiếng Anh của mình còn hạn chế nên đắn đo không biết có nên dự thi hay không.

2 Lớp 6A có phong trào thi đua giải các bài toán khó. Mặc dù là thành viên trong lớp nhưng Hoà thường xuyên bỏ qua, không làm những bài toán khó vì ngại suy nghĩ.

?

a) Theo em, Hân có nên tham gia cuộc thi không? Tại sao?

b) Hân cần làm gì để thực hiện được mục tiêu của mình?

?

a) Việc làm của Hoà trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính gì?

b) Nếu là bạn của Hoà, em sẽ khuyên Hoà điều gì?

4/ **Vận dụng:** Là hoạt động vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống; động viên, khuyến khích HS nghiên cứu, sáng tạo thông qua sự hướng dẫn, trợ giúp của gia đình, địa phương. Ở phần này, sách nêu các vấn đề cần giải quyết và yêu cầu HS phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau; yêu cầu HS phải thể hiện năng lực thông qua trao đổi, thảo luận với các bạn trong lớp, GV, gia đình và cộng đồng.

Về phương thức hoạt động, HS được hướng dẫn cách thức hoạt động cá nhân và nhóm để trao đổi với các bạn về nội dung và kết quả bài tập do mình thực hiện, sau đó trao đổi với gia đình về những vấn đề cần giải quyết hoặc nêu những câu hỏi để

các thành viên trong gia đình thảo luận,... Hoạt động với cộng đồng như tìm hiểu thêm về những vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động với GV có thể là trao đổi những kết quả và yêu cầu đánh giá.

Bên cạnh các hoạt động được gợi ý trong sách, GV nên đưa ra thêm các hoạt động khác gắn với cuộc sống của các em và địa phương của mình, gắn với tình hình xã hội ở từng thời điểm dạy học. Đồng thời, khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu và mở rộng kiến thức, để không bao giờ được hài lòng với những gì đã có và luôn nhận thức rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học từ thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, đây cũng là phần GV sử dụng để dạy học mở rộng cho các đối tượng HS khá, giỏi.

GV giao cho HS những nhiệm vụ bổ sung và hướng HS tìm các nguồn tài liệu khác để mở rộng kiến thức đã học, cung cấp cho HS các nguồn sách tham khảo, báo chí, tạp chí và nguồn tài liệu trên Internet hoặc các nhiệm vụ được giao với độ khó cao hơn để HS được thử sức mình.

Ví dụ trong bài 3 – *Siêng năng, kiên trì* trang 16 phần Vận dụng được thể hiện như sau:



VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm một tấm gương về siêng năng, kiên trì và viết bài học rút ra từ tấm gương đó.
2. Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân, sau đó chia sẻ kết quả thực hiện với thầy cô và các bạn.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học Giáo dục công dân

Phương pháp dạy học Giáo dục công dân lớp 6 chú trọng tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lý các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học được áp dụng trong chương trình Giáo dục công dân lớp 6 có sự kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; đóng vai; dự án,... Tuỳ nhiệm vụ bài học, GV có thể lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Với bài học giáo dục đạo đức, GV có thể sử dụng phương pháp chủ đạo là kể chuyện, đàm thoại, thảo luận nhóm,... Với bài học giáo dục kĩ năng sống, GV có thể sử dụng phương pháp chủ đạo là tập luyện theo mẫu hành vi, tổ chức trò chơi,... Với bài học giáo dục pháp luật, GV có thể sử dụng phương pháp chủ đạo là thảo luận nhóm, đóng vai xử lí tình huống,...

Tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển năng lực người học, cần tăng cường tổ chức các hoạt động để HS phân tích, khai thác thông tin, khám phá tri thức, lựa chọn hành vi, chia sẻ ý kiến xử lí tình huống thực tiễn đa dạng, gần gũi với đời sống thực của HS. GV cần chú trọng tổ chức hoạt động cho HS, không nên giảng giải quá nhiều mà cần là người tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe và định hướng cho HS. Điều này giúp cho giờ học Giáo dục công dân sinh động, hấp dẫn và đạt được hiệu quả cao hơn trong việc phát triển năng lực cho HS.

Việc sử dụng các phương pháp dạy học cần hướng tới hình thành, rèn luyện các kĩ năng mềm cho HS: 1/ Kĩ năng tự nhận thức bản thân: Phần lớn các bài học và hoạt động trong SGK Giáo dục công dân 6 đều giúp HS khám phá bản thân nên GV cần gợi mở để các em nhận ra và chia sẻ về những mong muốn, sở thích, trải nghiệm và những điểm cần thay đổi ở bản thân; 2/ Kĩ năng lắng nghe, chia sẻ (lắng nghe các ý kiến của các HS khác, phản biện, chia sẻ một cách phù hợp); 3/ Kĩ năng thuyết trình: GV hướng dẫn HS rèn luyện giọng nói, ngôn ngữ nói, tư thế, tác phong, cách diễn đạt thông tin; 4/ Kĩ năng biểu cảm: GV hướng dẫn HS thể hiện cảm xúc phù hợp khi tham gia các hoạt động học tập qua các biểu hiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ đúng mực; 5/ Kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm: GV hướng dẫn HS cách cùng tham gia công việc học tập với bạn, tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các mục tiêu chung của nhóm; 6/ Kĩ năng ra quyết định: Với những tình huống trong sách Giáo dục công dân 6, mỗi HS hoặc cả nhóm cần đưa ra những lựa chọn cho riêng mình. GV lưu ý chỉ dẫn các em tự quan sát, suy nghĩ, giải thích và đưa ra lựa chọn phù hợp.

Bên cạnh đó, GV cần tăng cường sử dụng phương tiện dạy học bởi phương tiện dạy học là công cụ để thực hiện phương pháp. Để hỗ trợ cho việc vận dụng phương pháp có hiệu quả cao hơn, giúp HS học tập môn Giáo dục công dân thuận lợi và có hứng thú hơn, cần sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học như: tranh ảnh, máy chiếu, video clip, thẻ học tập, phiếu thảo luận nhóm,...

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân

3.2.1. Một số phương pháp, kỹ thuật trong dạy học môn Giáo dục công dân

• Phương pháp thảo luận nhóm

– *Đặc điểm:*

Phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống đạo đức, pháp luật nào đó.

– *Cách sử dụng:*

- + GV giới thiệu chủ đề cuộc thảo luận.
- + Nêu các câu hỏi có liên quan đến chủ đề.
- + Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận và ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn. Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý.
- + Cần khích lệ mọi HS cùng tham gia đóng góp ý kiến, không nên chê bai một ý kiến nào.
- + “Nhóm trưởng” hoặc “thư kí” ghi chép các ý kiến.
- + Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:
 - + Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và với trình độ HS.
 - + Cách chia nhóm phải hết sức linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định.
 - + Kết quả thảo luận nhóm phải được trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học.
 - + Cử “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng nên luân phiên để từng HS đều được rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

• Phương pháp sắm vai

– Đặc điểm:

Phương pháp sắm vai là phương pháp giáo dục, trong đó HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định.

– Phương pháp sắm vai có tác dụng:

- + Giúp HS thực hành những kỹ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực.
- + Gây được hứng thú và chú ý đối với người học.
- + Tạo điều kiện làm nảy sinh sự sáng tạo của HS.
- + Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng định trước.
- + HS có thể thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

– Cách sử dụng:

- + GV giới thiệu tình huống.
- + Các nhóm thảo luận, xây dựng “kịch bản” và phân công sắm vai.
- + Các nhóm lên sắm vai.
- + HS nhận xét, đánh giá.
- + GV chốt lại.

– Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- + Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.
- + Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp.
- + Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
- + Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

• Phương pháp giải quyết vấn đề

– Đặc điểm:

Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách sử dụng:*

+ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết.

Ví dụ: Khi tổ chức luyện tập kiến thức bài “Tôn trọng sự thật” SGK trang 22, GV nêu tình huống: “Hà tâm sự với Hùng về những mâu thuẫn, khó khăn trong gia đình mình và muốn Hùng đừng nói với ai. Gần đây, Hà học hành sa sút, bị cô giáo nhắc nhở nhiều lần. Hùng rất muốn nói sự thật về hoàn cảnh của Hà cho cô giáo biết để cô thông cảm và giúp đỡ bạn nhưng Hùng băn khoăn không biết có nên nói không?”

+ Đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề: sau khi nêu tình huống trên, GV đặt câu hỏi: Theo em, Hùng có nên nói với cô giáo về hoàn cảnh của Hà không? Vì sao? Nếu là Hùng, em sẽ làm gì?

+ Giúp HS tìm hiểu nguyên nhân sự vật, hiện tượng: gợi cho HS phân tích tình huống trên, phân tích nguyên nhân vì sao Hùng băn khoăn khi muốn nói sự thật về hoàn cảnh của Hà với cô giáo?

+ Giúp HS nêu ra được những cách giải quyết vấn đề: Trong tình huống trên, HS có thể nêu một số cách giải quyết vấn đề:

- Nói thật hoàn cảnh gia đình Hà với cô giáo và mong cô giúp đỡ.
- Tâm sự với Hà, cùng Hà tìm cách vượt qua khó khăn để học tập tốt.
- Động viên Hà nói cho cô biết hoàn cảnh gia đình mình và cố gắng vượt qua khó khăn vươn lên trong học tập.

+ Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:*

+ Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gắn với thực tế.

+ Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS.

+ Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

+ Cần kết hợp với nhiều phương pháp dạy học khác.

• **Phương pháp tổ chức trò chơi**

– *Đặc điểm:*

Trò chơi là phương pháp có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Trong cuộc chơi, mọi HS đều bình đẳng, đều cố gắng thể hiện mình. Vì vậy, tổ chức trò chơi không chỉ

là biện pháp tăng hứng thú học tập, nâng cao sự chú ý, thay đổi trạng thái tâm lý mệt mỏi trong quá trình nhận thức mà còn là biện pháp rèn luyện kỹ năng ứng xử, giao tiếp, củng cố và phát triển khả năng tự tin của các em trong học tập, trong hoạt động xã hội.

– *Tác dụng:*

- + Tăng cường khả năng chú ý của HS.
- + Nâng cao hứng thú của người học, góp phần giảm mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.
- + Tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với HS, HS với GV.

– *Cách sử dụng:*

+ Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học. Thầy trò có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới.

+ Thông qua trò chơi, GV gợi ý cho HS thảo luận, khai thác yêu cầu bài học.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:*

+ Phải hiểu rõ mục đích cuộc chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức...

+ Phải biết quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi.

+ Phải dễ tổ chức và thực hiện.

+ Sau khi chơi, GV cần tổng kết nói rõ HS đã học được gì thông qua trò chơi.

• **Kĩ thuật kích thích tư duy**

– *Đặc điểm:*

Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học của GV, dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật.

– *Cách sử dụng:*

+ Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, để HS suy nghĩ.

+ Khuyến khích HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

+ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy to, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

- + Phân loại các ý kiến.
- + Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.
- + Tổng hợp ý kiến của HS và hỏi xem các em còn thắc mắc hay bổ sung gì không.
- *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:*
- + Phương pháp kích thích tư duy có thể dùng để lí giải bất kì một vấn đề đạo đức, pháp luật nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế của HS.
- + Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn.
- + Tất cả các ý kiến đều được GV hoan nghênh, chấp nhận một cách khéo léo, tế nhị mà không cần phê phán đúng sai.
- + Cuối giờ thảo luận, GV nên tổng hợp lại để HS dễ hiểu.

3.2.2. Gợi ý hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân

GV giảng dạy môn Giáo dục công dân lớp 6 cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Khi dạy học, GV cần hạn chế giảng giải quá nhiều, cần tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm và chủ động chia sẻ ý kiến. GV đóng vai người định hướng, tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết. GV đón nhận và phản hồi kết quả, qua đó hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động, kết hợp với quản lí lớp học linh hoạt, sử dụng kĩ thuật tích cực, tham khảo mở rộng điều chỉnh các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Trong nội dung bài học, bên cạnh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, GV cần chú ý hướng dẫn HS rèn luyện các kĩ năng mềm như: lắng nghe, biểu cảm, chia sẻ, thuyết trình, hợp tác, tự nhận thức, ra quyết định,...

Thông qua các phương pháp giáo dục trên lớp, GV phát huy tối đa quyền được tham gia của HS đồng thời kết hợp với sự tham gia của phụ huynh vào quá trình giáo dục cho con ở nhà (ví dụ thông qua các nhiệm vụ thực hiện cùng gia đình,...).

4 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

4.1.1. Mục đích

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, nhằm cung cấp cho GV, HS, phụ huynh và các nhà quản lý thông tin về việc học tập của HS, biết được những điểm mạnh, sự tiến bộ của HS, cũng như những điểm cần được cải thiện; tạo cơ hội và thúc đẩy quá trình học tập của HS, tăng động lực và hứng thú học tập của HS. Những dữ liệu thu thập được trong quá trình đánh giá đồng thời là cơ sở thực tế để GV cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; các nhà quản lý phát triển chương trình giáo dục; giúp phụ huynh HS tích cực hợp tác với nhà trường trong quá trình giáo dục HS.

4.1.2. Yêu cầu

- Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn Giáo dục công dân và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông.
- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

4.1.3. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học. HS cần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,...) và các năng lực của người công dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp. Cụ thể, HS cần đạt được các năng lực chung (năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn học (năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân là:

năng lực phát triển bản thân; năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp Trung học cơ sở, môn Giáo dục công dân giúp HS bước đầu có hiểu biết đúng và cảm xúc tích cực về những chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật đơn giản; có kỹ năng sống, cách ứng xử, thói quen, nền nếp cơ bản trong học tập và sinh hoạt phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật.

4.1.4. Hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả trong môn Giáo dục công dân được thực hiện thông qua đánh giá quá trình và đánh giá định kì:

** Đánh giá quá trình*

Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

- GV căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kỹ năng, thái độ của HS ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời.
- HS tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất.
- Phụ huynh HS trao đổi, phối hợp với GV động viên, giúp đỡ HS rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.

** Đánh giá định kì*

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của HS so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình.

- Đánh giá định kì về nội dung học tập trên ba mức:
 - + Hoàn thành tốt: HS thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.
 - + Hoàn thành: HS thực hiện được các yêu cầu học tập và có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.
 - + Chưa hoàn thành: HS chưa thực hiện được các yêu cầu học tập hoặc chưa có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

- Đánh giá định kì đối với sự hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực trên ba mức:
- + Tốt: HS đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.
- + Đạt: HS đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.
- + Cần cố gắng: HS chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

Theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành ngày 12-12-2011 về Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và trung học phổ thông và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 - 12 - 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, thì việc kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân 6 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

- Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn Giáo dục công dân quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;
- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.
- Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV môn Giáo dục công dân theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân

1/ Đánh giá qua lời nói: Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi vì sao? như thế nào? làm gì? Ví dụ, GV có thể hỏi: Vì sao chúng ta phải yêu thương con người? Em cần làm gì để thể hiện tình yêu thương con người? (Bài Yêu thương con người). Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã biết thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người chưa? Đã có khi nào em chưa biết yêu thương con người? Em đã khắc phục

điều đó như thế nào? Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi đạo đức, pháp luật của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng ý hay không đồng ý với các ý kiến, các hành vi đạo đức, pháp luật có liên quan.

Ví dụ: Em sẽ làm gì khi bạn rủ em dùng số tiền bố mẹ cho để ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn để chơi điện tử (Bài Yêu thương con người). Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống đạo đức, pháp luật cụ thể trên cơ sở gắn nội dung bài học với những tình huống thực tế gần gũi với HS.

2/ Đánh giá qua bài viết: Có hai hình thức: trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Ví dụ 1: Đánh dấu X vào ở những việc em cần làm để thực hành tiết kiệm trong học tập.

- Giữ gìn, bảo quản đồ dùng học tập.
- Tận dụng vở cũ để làm giấy nháp.
- Lập và thực hiện nghiêm túc thời gian biểu hằng ngày.
- Dùng giấy báo để bọc vở.

Ví dụ 2: Em hãy ghi 5 việc cần làm để thể hiện tình yêu thương với con người và đánh dấu vào những việc em đã làm được.

STT	Việc cần làm	Việc em đã làm

3/ Đánh giá qua quan sát hành động, việc làm của HS:

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ, GV có thể quan sát HS thể hiện sự siêng năng, kiên trì trong lớp như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể (Bài Siêng năng, kiên trì).

4/ Đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

5/ Đánh giá thông qua phiếu nhận xét, đánh giá của gia đình: GV có thể tham khảo ý kiến của cha mẹ HS về thái độ, biểu hiện, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động ở nhà và cộng đồng. Ví dụ, khi dạy bài Tự lập, GV có thể yêu cầu HS xin ý kiến cha mẹ về việc các em đã tự làm được trong sinh hoạt hằng ngày.

5 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25-01-2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn*. Nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng *Hành trang số*, nền tảng tập huấn GV trực tuyến – Tập huấn hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bồi trợ và hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được NXBGDVN cung cấp xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục và GV sử dụng các bộ SGK. NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, CBQLGD trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

*** Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới**

Trong năm 2021, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2021 là hơn 10 000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2 và lớp 6 Chương trình, SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2021.

*** Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao**

Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng Tập huấn GV trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng "Trải nghiệm ngay" để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

* *Hỗ trợ thường xuyên trong năm học*

Nhằm hỗ trợ tối đa các CBQLGD, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ 19004503 (08:00 – 17:00, thứ 2 đến thứ 6). Các câu hỏi liên quan tới nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

5.2.1. Giới thiệu về Hành trang số

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. Hành trang số cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS. Hành trang số bao gồm 3 tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện.

- Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK chương trình mới. Trong đó, Hành trang số tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.
- Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và sách bài tập của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bài tập, Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra, đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

- Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử hỗ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, gif/ hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, Hành trang số mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

5.2.2. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên Tập huấn được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các phòng GD&ĐT; phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

- Đối với tài khoản GV: Tính năng "Tập huấn" cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/ Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.
- Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, nhà trường): Tính năng "Tài liệu bổ sung" cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

5.2.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của 4 bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: Video tiết học minh hoạ, tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word), hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, bài kiểm tra, đánh giá, video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT quy định: "Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: (1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như: các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...".

- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12 năm 2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6 000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên Hành trang số là hơn 10 000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.
- Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lí của mỗi bộ sách, tham vấn SGK, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

5.2.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy, cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng "Thư viện", các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp

nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bài tập, Hành trang số cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng "Luyện tập". Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.
- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng "Thư viện", các thầy, cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được Hành trang số xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.
- Ngoài ra các thầy, cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng Hành trang số kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, các thầy, cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

6 KHAI THÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Bên cạnh SGK, SGK Giáo dục công dân 6, NXBGDVN còn cung ứng bộ tranh, video thiết bị dạy học tối thiểu (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03-11-2020 của Bộ GD&ĐT). Bộ tranh, video cụ thể tương ứng đối với mỗi bài như sau:

Bài 1: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ, gồm các tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ như: hình ảnh gia đình tứ đại đồng đường; hình ảnh sum vầy, đoàn tụ gia đình trong dịp Tết cổ truyền; hình ảnh bữa ăn gia đình truyền thống Việt Nam;...

Bài 2: Yêu thương con người, gồm các tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt như: giúp đỡ đồng bào bão lụt; hiến máu nhân đạo; chăm sóc người già hoặc người tàn tật; trao nhà tình nghĩa; chăm sóc trẻ mồ côi;...

Bài 3: Siêng năng, kiên trì, gồm các tranh thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hằng ngày như: tranh mô tả rùa và thỏ đang thi chạy; tranh mô tả một người đang siêng năng làm việc, đối nghịch là một người lười nhác nhưng mơ tưởng đến cuộc sống tốt đẹp; hình ảnh Bác Hồ đang ngồi làm việc đánh máy chữ hoặc đang viết;...

Bài 4: Tôn trọng sự thật, gồm các video/clip về tình huống trung thực như: trung thực với thầy cô giáo; trung thực với bạn bè;...

Bài 5: Tự lập, gồm các video/clip về tình huống tự lập như: phụ giúp cha mẹ trong công việc gia đình; rèn luyện tính ngăn nắp, gọn gàng; tự giác học bài và làm bài đúng giờ;...

Bài 6: Tự nhận thức bản thân, gồm video/clip tình huống thực tế về việc: tự giác làm việc nhà;...

Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm, gồm các tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm như: hướng dẫn kỹ năng thoát khỏi đám cháy khi xảy ra cháy, hoả hoạn trong nhà; hướng dẫn về phòng, chống đuối nước và kỹ năng sơ cấp cứu nạn nhân; hướng dẫn về kỹ năng phòng, tránh thiên tai;...

Bài 8: Tiết kiệm, gồm các tranh, video/clip tình huống về tiết kiệm điện, tiết kiệm tài nguyên nước.

Bài 9: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gồm các tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân như: mô phỏng giấy khai sinh; mô phỏng căn cước công dân.

Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em, gồm các tranh về các nhóm quyền của trẻ em như: quyền được sống; quyền được phát triển; quyền được bảo vệ; quyền được tham gia.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân nói riêng là: năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

* *Thứ nhất*, coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề, luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

* *Thứ hai*, tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” bất đắc dĩ, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

* *Thứ ba*, khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển). Các phương tiện và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

* *Thứ tư*, tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế các phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện ý thức chăm chỉ, tự giác, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

* *Thứ năm*, phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó trong dạy học cần phối hợp sử dụng các loại thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

* *Thứ sáu*, tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

7 MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Việc lập kế hoạch dạy học Giáo dục công dân 6 giúp cho cán bộ quản lí, nhà trường và GV chủ động trong việc thực hiện chương trình và đảm bảo thực hiện được yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình. Kế hoạch dạy học Giáo dục công dân 6 bao gồm kế hoạch chung của nhà trường và kế hoạch của từng cán bộ, GV phụ trách môn học. Các loại kế hoạch trên được lập theo hướng dẫn trong Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18-12-2020 của Bộ GD&ĐT. Để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện sách Giáo dục công dân 6 thuận lợi và đạt hiệu quả, các trường và GV cần lưu ý một số điểm sau:

7.1. Về phía nhà trường

Trước khi bắt đầu năm học, nhà trường cần xây dựng kế hoạch tổng thể (kế hoạch nhà trường) cho môn học. Kế hoạch nhà trường cần được phổ biến cho cán bộ, GV trong trường trước khi bắt đầu năm học mới và được thảo luận, bàn bạc dân chủ để nhận được sự đồng thuận của mọi người đối với nhiệm vụ được giao phụ trách. Lãnh đạo nhà trường nên động viên, khuyến khích cán bộ, GV trong trường tích cực tham gia tổ chức hoạt động dạy học.

7.2. Về phía cán bộ, giáo viên được phân công phụ trách môn học Giáo dục công dân 6

Cần lập kế hoạch học kì, năm học và kế hoạch thực hiện từng chủ đề bài học. Khi lập kế hoạch học kì, năm học, GV cần căn cứ vào *Phụ lục IV – Khung kế hoạch bài dạy* (ban hành kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH) và tình hình cụ thể

để lập kế hoạch sao cho đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và trình độ của HS. Căn cứ vào chương trình, SGK, SGV và tình hình thực tiễn, GV chủ động đề xuất kế hoạch thực hiện các chủ đề trong năm học. Kế hoạch thực hiện các chủ đề và các loại hình hoạt động trong mỗi tuần có thể điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, không nhất thiết phải theo đúng trình tự đã biên soạn trong SGK và SGV. Kế hoạch học kì, năm học của mỗi cán bộ, GV cần được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

Khi lập kế hoạch hoạt động cho từng loại hình hoạt động (kế hoạch bài học hay còn gọi là giáo án), GV cần nghiên cứu kĩ nội dung trong SGK và hướng dẫn trong SGV để xác định mục tiêu, chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học và cách thức tổ chức các hoạt động. Với mỗi kế hoạch bài học, cần thể hiện rõ:

- Mục tiêu của hoạt động;
- Phương tiện, đồ dùng dạy học mà GV và HS cần chuẩn bị cho hoạt động;
- Các nội dung chủ yếu và phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động trong tiết học.

Lưu ý: Cách thức tổ chức hoạt động được trình bày trong SGV chỉ là gợi ý. Do đó, GV có quyền chủ động điều chỉnh, bổ sung phương tiện, đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động sao cho phù hợp với thực tiễn.

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Các bài học trong SGK Giáo dục công dân 6 gồm bốn dạng: 1/ Giáo dục đạo đức; 2/ Giáo dục kỹ năng sống; 3/ Giáo dục kinh tế; 4/ Giáo dục pháp luật. Ngoài những điểm chung về cấu trúc bài học, mỗi dạng bài có cách thức tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

1 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

Kết quả quan trọng nhất của giáo dục đạo đức là giáo dục được hành vi và thói quen đạo đức cho HS. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được nói, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

Trong chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở mới, nội dung giáo dục đạo đức chiếm 35% nội dung chương trình. Ở lớp 6, giáo dục đạo đức gồm các bài: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ; Yêu thương con người; Siêng năng, kiên trì; Tôn trọng sự thật và Tự lập.

Giáo dục đạo đức gồm hệ thống các chuẩn mực hành vi đạo đức tương ứng với các tình huống thường gặp của HS trong cuộc sống hằng ngày. Bài dạy đạo đức được tiến hành theo các hoạt động sau:

- *Khởi động*: Bằng trò chơi, bài hát, câu hỏi gợi mở, quan sát tranh (gắn với nội dung bài học) tạo tâm thế tích cực cho HS để vào bài mới.

Ví dụ hoạt động Khởi động trong bài 2 *Yêu thương con người* (SGK trang 9) được triển khai trong SGK như sau:

1. Khởi động

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) *Nội dung – Tổ chức thực hiện:* GV chọn một trong hai cách sau:

Cách 1: GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh *chia sẻ cùng miền Trung* và trả lời câu hỏi:

a/ Hình ảnh gợi em nhớ tới sự việc nào xảy ra ở nước ta?

b/ Trước sự việc đó, Nhà nước và Nhân dân ta đã có những hành động gì?

c/ Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình trước những hành động đó.

GV mời HS trả lời và dẫn dắt vào bài: Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy. Vì vậy, các em cần có hiểu biết về tình yêu thương và thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.

Cách 2: GV có thể cho HS chia sẻ về những tình huống thể hiện tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày của chính bản thân các em hoặc của người khác mà các em đã chứng kiến, rồi dẫn dắt vào bài.

Gợi ý: GV có thể lựa chọn cách khởi động khác như: đóng tiểu phẩm, chia sẻ suy nghĩ hoặc trả lời câu hỏi.

- *Khám phá:* Hình thành mẫu hành vi đạo đức qua nhiều hình thức khác nhau: tranh ảnh, truyện kể đạo đức, tình huống đạo đức,... từ đó, tổ chức cho HS khám phá sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi đạo đức (trả lời câu hỏi *vì sao phải làm thế và làm như thế nào?*).

Ví dụ, mục Khám phá trong bài 2 *Yêu thương con người* (SGK trang 9, 10, 11) được triển khai trong SGK như sau:

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là yêu thương con người

a) *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm yêu thương con người.

b) *Nội dung – Tổ chức thực hiện:*

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe. Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS chia sẻ những suy nghĩ của mình về ước nguyện của bé Hải An và gia đình bé đã hiến tặng giác mạc để trao ánh sáng cho người khác với mục đích cứu người, làm việc thiện.

– GV mời đại diện một vài HS trả lời. GV khen ngợi các bạn có câu trả lời đúng; chỉnh sửa, bổ sung ý kiến đối với câu trả lời còn thiếu.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm câu hỏi về tình yêu thương có liên quan tới thực tế cuộc sống: *Tình yêu thương con người là gì?*

– GV mời đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, HS khác chú ý lắng nghe, cho ý kiến nhận xét và đặt câu hỏi (nếu có).

- GV kết luận:

+ Ước nguyện của bé Hải An là được hiến tặng giác mạc của mình để đem lại ánh sáng cho người khác. Ước nguyện đó thật cao cả, lớn lao và việc làm đó viết nên câu chuyện đẹp đẽ về lòng nhân ái, biết sống vì người khác, đem lại hạnh phúc cho người khác để sự sống mãi tiếp nối, trường tồn. Việc làm đó đã làm lay động, thức tỉnh hàng triệu trái tim con người Việt Nam. Câu chuyện là minh chứng cao đẹp về tình yêu thương con người.

+ Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu hiện của tình yêu thương con người

a) Mục tiêu: HS nêu được các biểu hiện của tình yêu thương con người.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS thảo luận cặp đôi câu hỏi: Biểu hiện của tình yêu thương con người được thể hiện qua lời nói, việc làm, thái độ như thế nào?

- Mỗi nhóm liệt kê những biểu hiện của tình yêu thương con người vào giấy A3 theo bảng mẫu của SGK.

- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu.

- GV cùng HS tổng hợp ý kiến:

Hình thức	Biểu hiện của tình yêu thương con người
Lời nói	<ul style="list-style-type: none">- Không sao đâu, mọi chuyện sẽ qua thôi, mình luôn bên bạn.- Hãy để mình giúp bạn một tay nhé!- Cháu có thể giúp được gì cho bác không ạ?...
Việc làm	<ul style="list-style-type: none">- Giúp đỡ người nghèo- Giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn- Giúp đỡ người khuyết tật- Giúp đỡ người già neo đơn, mẹ Việt Nam Anh hùng...
Thái độ	<ul style="list-style-type: none">- Quan tâm- Cảm thông- Lo lắng và đồng cảm- Chia sẻ...

- GV tiếp tục cho HS quan sát tranh trong SGK và thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi: Tình yêu thương con người được biểu hiện trong các mối quan hệ: gia đình, nhà trường, xã hội như thế nào? Hãy nêu ví dụ minh họa. Đối với hoạt động này, GV có thể hướng dẫn mỗi nhóm thảo luận về một biểu hiện của yêu thương con người (ở gia đình, nhà trường và xã hội).

- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu cần).

– GV cùng HS tổng hợp các ý kiến:

Môi quan hệ	Biểu hiện của tình yêu thương	Ví dụ minh hoạ
Trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> – Quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình – Động viên, giúp đỡ khi gặp khó khăn ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Bố mẹ, con cháu chăm sóc ông bà khi ốm – Giúp em nhỏ học bài – Bố mẹ động viên các con cố gắng trong học tập và rèn luyện – Các con biết kính trọng, yêu thương, chia sẻ việc nhà với ông bà, cha mẹ ...
Trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> – Các bạn hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện – Thầy cô động viên, dìu dắt, dạy bảo các em học sinh – Học sinh biết ơn, kính trọng thầy cô ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp – Giúp đỡ bạn khuyết tật trong lớp, trong trường – Thầy cô hỗ trợ, dạy các em thành học sinh chăm ngoan, học giỏi ...
Trong xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Mọi người yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau – Cùng nhau giúp đỡ người dân ở các vùng miền khó khăn ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Chung tay ủng hộ đồng bào lũ lụt, hạn hán – Giúp đỡ bà con nông dân tiêu thụ hàng hoá nông sản – Hỗ trợ người bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh (Covid-19) ...

– GV tiếp tục cho HS làm việc cá nhân kể về những biểu hiện trái với lòng yêu thương con người trong cuộc sống và phân tích thêm để giúp HS hiểu được lòng yêu thương con người khác với lòng thương hại; trái với yêu thương là gì và hậu quả của nó:

+ Lòng yêu thương con người xuất phát từ tấm lòng chân thành, vô tư, trong sáng và giúp nâng cao giá trị con người. Ví dụ: khi bạn gặp khó khăn, ta sẵn sàng giúp đỡ và không mong chờ bạn trả ơn cho mình. Lòng thương hại xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, không chân thành. Sự thương hại sẽ làm tổn thương người khác và hạ thấp giá trị con người.

+ Trái với yêu thương là thù hận, mâu thuẫn, căm ghét nhau. Hậu quả sẽ đưa đến kết cục không tốt đẹp, con người không thể sống thanh thản được.

Hoạt động 3: Tìm hiểu giá trị của tình yêu thương con người

a) Mục tiêu: HS trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn các nhóm tìm hiểu giá trị của tình yêu thương con người thông qua thông tin từ những chương trình truyền hình nhân ái. GV phân mỗi nhóm thảo luận một câu hỏi:

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người được nhận tình yêu thương?

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người đã thể hiện tình yêu thương với người khác?

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày câu trả lời của nhóm mình trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ *Tình yêu thương có ý nghĩa:*

• *Người được nhận tình yêu thương sẽ cảm thấy ấm áp, hạnh phúc;*

• *Người thể hiện tình yêu thương với người khác cảm thấy vui vẻ, đồng cảm;*

• *Đối với xã hội, tình yêu thương con người góp phần làm cho xã hội lành mạnh và tốt đẹp hơn.*

+ *Tình yêu thương con người là một phẩm chất tốt đẹp của con người. Những việc làm thể hiện tình yêu thương con người sẽ góp phần gìn giữ và phát huy được truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

– **Luyện tập:** HS vận dụng tri thức đạo đức để nhận xét hành vi của bản thân và của người khác, lựa chọn hành vi đúng, tránh hành vi sai; đưa ra cách xử lý tình huống một cách linh hoạt, sáng tạo.

Ví dụ, mục Luyện tập trong bài 2 *Yêu thương con người* (SGK trang 12) được triển khai trong SGK như sau:

3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học và rèn luyện lòng nhân ái của bản thân.

b) **Nội dung – Tổ chức thực hiện:**

1/ **Tìm các câu ca dao, tục ngữ về yêu thương con người và thảo luận về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đó.**

– GV chia lớp thành hai nhóm, phát giấy A3 và bút dạ để HS ghi các câu ca dao, tục ngữ về yêu thương con người. Nhóm nào tìm được nhiều câu và đúng sẽ giành chiến thắng.

– Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi đối mặt, mời từ 7 – 10 HS tham gia chơi. Các em đứng thành vòng tròn, tới lượt bạn nào thì bạn đó phải đọc nhanh câu ca dao, tục ngữ về yêu thương con người và không được nhắc lại câu mà các bạn khác đã nêu cho tới khi còn một bạn duy nhất.

– Sau khi chơi, GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đó.

Gợi ý: Những câu ca dao, tục ngữ nói về yêu thương con người là những lời khuyên, lời dạy của cha ông ta để lại cho con cháu. Đó là lòng thương người, người với người cùng sống trong một đất nước, cùng tồn tại trên một quả địa cầu thì phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

2/ Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận một trường hợp trong SGK.
- GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
- GV kết luận và khuyên HS nên học tập việc làm của bạn Mai (trường hợp 2), bạn Phúc (trường hợp 3) và không nên làm theo hai chị em Hà (trường hợp 1).
- GV có thể mở rộng, yêu cầu HS chia sẻ về những việc làm của bản thân đã thể hiện tình yêu thương con người nhằm giúp các em hiểu rõ ý nghĩa của tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày.

3/ Sắm vai xử lí tình huống

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi hoặc cho HS sắm vai để đưa ra cách xử lí tình huống.

Gợi ý:

- + Tình huống 1: Từ chối, không làm theo bạn và dùng số tiền đó để mua tấm ủng hộ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.
- + Tình huống 2: Khuyên các bạn tham gia chia sẻ, động viên bạn Hoa, giúp bạn vượt qua hoàn cảnh khó khăn để tiếp tục tới trường học tập.
- GV mời đại diện một số nhóm trình bày. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét nhóm bạn và bổ sung nếu cần.
- GV khen ngợi các cách xử lí tình huống đúng.

- *Vận dụng*: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

Ví dụ, mục *Vận dụng* trong bài 2 *Yêu thương con người* (SGK trang 12) được triển khai trong SGK như sau:

4. Vận dụng

a) *Mục tiêu*: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) *Nội dung – Tổ chức thực hiện*:

1/ Em hãy vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người để giới thiệu với bạn bè và thầy cô.

- GV hướng dẫn HS về nhà vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người.
- GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày tranh vẽ ở lớp học và yêu cầu HS thuyết trình, chia sẻ ý nghĩa của bức tranh đó với các bạn trong lớp.

2/ Em hãy lập và thực hiện kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trường hoặc ở địa phương.

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ và viết báo cáo nộp vào buổi học ngày hôm sau. Hoặc cũng có thể giao bài tập vận dụng này theo nhóm HS.

- GV đặt câu hỏi cho HS để các em chia sẻ về kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trường hoặc ở địa phương như:

- + Mục tiêu của kế hoạch là gì?
- + Xác định điều kiện như thế nào là bạn có hoàn cảnh khó khăn cần giúp đỡ?

- + Thời gian giúp đỡ là khi nào?
- + Các việc làm cụ thể để giúp đỡ là gì?...

GV cùng HS chốt lại những nội dung chính của bản kế hoạch nên có và cách thực hiện.

KẾ HOẠCH			
Mục tiêu	Họ tên HS cần giúp đỡ	Thời gian thực hiện	Các việc làm cụ thể

Gợi ý: Để phát huy tính sáng tạo của HS, GV nên gợi ý HS nghĩ ra nhiều tình huống khác nhau với nhiều cách xử lý khác nhau để đóng vai. Sau đó, HS và GV cùng phân tích để lựa chọn cách xử lý tốt nhất trong từng tình huống cụ thể.

- Phần chốt nội dung kiến thức: Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học và tổng kết nhằm giúp HS ghi nhớ các chuẩn kiến thức, chuẩn hành vi.
- Cuối mỗi bài học là định hướng đánh giá. Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức: Hoàn thành tốt; Hoàn thành; Chưa hoàn thành.

2 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

Giáo dục kĩ năng sống là rèn luyện kĩ năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động đúng đắn để thực hiện có hiệu quả hành động đó trong những điều kiện khác nhau của cuộc sống. Ở cấp Trung học cơ sở, giáo dục kĩ năng sống trang bị cho HS những kĩ năng cần thiết, phù hợp với lứa tuổi; hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực. Đó là kĩ năng tự phục vụ bản thân, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng quản lí cảm xúc, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân, kĩ năng tự bảo vệ bản thân. Trong Chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở mới, giáo dục kĩ năng sống chiếm 20% nội dung chương trình. Ở lớp 6, giáo dục kĩ năng sống gồm các bài: Tự nhận thức bản thân và Ứng phó với tình huống nguy hiểm.

Để dạy học dạng bài giáo dục kĩ năng sống đạt hiệu quả, GV cần:

Thứ nhất, chuẩn bị tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học để HS thực hành.

Ví dụ khi dạy bài 6 *Tự nhận thức bản thân* (SGK trang 26, 27, 28, 29), GV cần chuẩn bị:
+ SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;

- + Tranh, ảnh, thẻ đúng – sai, câu chuyện, thông tin, tình huống,... gắn với bài học;
- + Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

Thứ hai, dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực để minh họa cho các kĩ năng.

Ở hoạt động Khám phá của bài 6 *Tự nhận thức bản thân*.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu: HS trình bày được thế nào là tự nhận thức bản thân.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

* Đọc câu chuyện “Con gà” đại bàng trong SGK để trả lời câu hỏi sau:

a/ Vì sao "con gà" đại bàng không thực hiện được mong ước có thể bay như những chú chim đại bàng?

b/ Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

– GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Con gà” đại bàng và trả lời câu hỏi vào vở (ô ý kiến cá nhân) theo hướng dẫn như sau:

Câu hỏi	Ý kiến cá nhân	Ý kiến nhóm	Nhận xét, kết luận
a			
b			

– GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận với bạn bên cạnh về các câu trả lời và ghi kết quả trao đổi vào ô “Ý kiến nhóm”.

– Tổ chức cho một số nhóm HS báo cáo kết quả các câu trả lời (mỗi nhóm báo cáo một câu). Các HS còn lại lắng nghe, ghi ý kiến của các bạn ra giấy nháp.

– GV cho HS nhận xét, sau đó kết luận về nội dung câu trả lời. HS ghi nội dung chốt kiến thức của thầy, cô giáo vào trong ô “Nhận xét, kết luận”.

a/ “Con gà” đại bàng đã nhận thức ra điểm khác biệt của nó với các anh, em gà và có ước mơ muốn bay cao được như những chú chim đại bàng. Tuy nhiên, “con gà” đại bàng không vượt qua chính mình và tin rằng mình là một con gà.

b/ Bài học rút ra từ câu chuyện:

- Thăng thấn nhìn nhận những ưu điểm, nhược điểm của bản thân;
- Luôn học hỏi để cố gắng thay đổi và hoàn thiện bản thân, phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân;

- Mạnh dạn, quyết tâm theo đuổi ước mơ.

* Cùng chia sẻ thế nào là tự nhận thức bản thân.

– GV yêu cầu HS đọc ba nhóm ý kiến trong SGK và ghi quan điểm của mình ra vở.

– Tổ chức cho HS chia sẻ quan điểm cá nhân về tự nhận thức bản thân. HS nghe và ghi chép ý kiến của các bạn ra vở nháp.

– HS trình bày, GV nhận xét và kết luận:

Tự nhận thức bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết, tình tình, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu,...).

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu: HS trình bày được vai trò, ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS đọc kết quả tổng hợp ý kiến về ý nghĩa của tự nhận thức bản thân của các bạn HS lớp 6A để trao đổi, thảo luận về các ý kiến theo bảng (có thể thiết kế thành phiếu học tập).

– GV yêu cầu HS đọc nội dung của hoạt động 2 (chiều yêu cầu lên bảng) và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện ý kiến và giải thích cho việc lựa chọn ý kiến của mình theo bảng trên.

– Yêu cầu HS trao đổi với bạn bên cạnh để thống nhất ý kiến.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bạn và tổng hợp lại các nội dung của phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích/ nêu ví dụ
1. Có cái nhìn trung thực về ưu điểm, nhược điểm của mình.	x		Giúp nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
2. Xác định được những việc cần làm để hoàn thiện bản thân.	x		Biết rõ mong muốn, những khả năng, những khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.
3. Dễ đồng cảm và chia sẻ với người khác.	x		Dễ đồng cảm trong giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác.
4. Có những việc làm và cách ứng xử phù hợp với mọi người xung quanh.	x		Biết rõ mong muốn của bản thân giúp giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác.

– GV kết luận: Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em:

+ Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, điểm yếu để khắc phục.

+ Biết rõ mong muốn, những khả năng, những khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp; đồng thời còn giúp em giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác.

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu: HS nhận xét được điểm mạnh, điểm yếu, thói quen, hành động đúng/ chưa đúng của bản thân và người khác trong những hoạt động cụ thể; Biết cách tự rèn luyện để khắc phục những điểm hạn chế sau mỗi hoạt động/ việc làm.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS các thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Thông tin 1:

a/ Hoa đã tự nhận thức bản thân bằng cách nào?

b/ Em còn biết thêm những cách nào khác để tự nhận thức bản thân? Hãy chia sẻ với các bạn.

+ Thông tin 2:

a/ Em có nhận xét gì về hành động, việc làm của Bình?

b/ Em có đồng tình với hành động, việc làm đó không? Vì sao?

– Yêu cầu HS trao đổi kết quả với bạn bên cạnh để thống nhất câu trả lời.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả và trao đổi thảo luận.

– GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Gợi ý:

+ Thông tin 1:

a/ Bạn Hoa có nhiều đức tính tốt, luôn khiêm tốn và tự học hỏi để khắc phục những điểm chưa hài lòng về bản thân, tự hoàn thiện bản thân.

b/ Chia sẻ về những cách khác để tự nhận thức bản thân:

• Ghi lại những cảm xúc và hành vi khi đối diện với các tình huống căng thẳng.

• Liệt kê các điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để đề ra hướng phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu.

• Thuyết phục bạn bè, người thân chia sẻ những điều họ nghĩ về bạn.

• Khi tương tác với những người mà bạn cảm thấy thoải mái, hãy hỏi họ những phản ứng về hành vi và hành động của mình.

• Tập cách tư duy tích cực, lạc quan, sáng tạo và xây dựng sự tin tưởng với người khác.

• Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.

+ Thông tin 2:

a/ Bình tuyệt đối hóa thần tượng.

b/ Không đồng tình với hành động, việc làm của Bình bởi việc làm của Bình khiến cho bạn không còn là Bình vì mãi thay đổi theo bản thân thần tượng.

– GV kết luận: Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần:

+ *Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong từng hoạt động, tình huống cụ thể.*

+ *Quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.*

+ *So sánh những nhận xét/ đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, tự đánh giá của mình.*

+ *Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và phát triển bản thân.*

Thứ ba, tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, trò chơi, giải quyết vấn đề,... Kỹ thuật khăn trải bàn, bản đồ tư duy, trình bày một phút,...

Thứ tư, dạy quy trình cụ thể để thực hiện một kỹ năng và cho HS tập theo quy trình đó.

Ngoài bốn yêu cầu chính cần lưu ý khi dạy bài kỹ năng sống, GV nên thiết lập mối quan hệ gắn gũi, thân thiện giữa GV và HS, HS và HS trong lớp học. Đặc biệt, từ việc giáo dục kỹ năng, GV cần hướng tới giáo dục giá trị sống cho HS.

Lưu ý:

- 1/ Việc dạy kỹ năng sống chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện thường xuyên và mang tính hệ thống. Vì vậy, ngoài những chủ đề giáo dục kỹ năng sống trong Chương trình Giáo dục công dân, GV cần tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các bài giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật.
- 2/ Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.
- 3/ Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong SGK. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lí của HS lớp mình dạy cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.
- 4/ Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kỹ năng sống cho HS.

3 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KINH TẾ

Giáo dục kinh tế cho HS phổ thông là hỗ trợ các em phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính trong suốt những năm đi học. Giúp các em thiết lập các thói quen tài chính tốt và trang bị các kỹ năng để đưa ra các quyết định tài chính tốt hơn trong hiện tại và tương lai. Ở cấp Trung học cơ sở, giáo dục kinh tế giúp HS có thể tự tin áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào bối cảnh thực tế, duy trì các hành vi tích cực theo thời gian bao gồm việc đưa ra các quyết định tài chính hợp lý và sáng suốt, phù hợp với lứa tuổi. Đó là kỹ năng tiết kiệm, lập kế hoạch chi tiêu, xác định nhu cầu và mong muốn, từ thiện,...

Trong Chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở mới, giáo dục kinh tế chiếm 10% nội dung chương trình. Ở lớp 6, giáo dục kinh tế thể hiện qua bài Tiết kiệm.

Để dạy học dạng bài giáo dục kinh tế đạt hiệu quả, GV cần:

Thứ nhất, chuẩn bị tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học để HS thực hành.

Ví dụ khi dạy bài 8 Tiết kiệm (SGK trang 35, 36, 37, 38, 39, 40), GV cần chuẩn bị:

+ SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;

+ Tranh, ảnh, thẻ đúng – sai, câu chuyện, thông tin, tình huống, âm nhạc,... gắn với bài học;

+ Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

Thứ hai, thiết lập mối quan hệ gắn gũi, thân thiện giữa GV và HS, HS và HS trong lớp học.

Thứ ba, tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, trò chơi, giải quyết vấn đề, xử lý tình huống,...; Kỹ thuật khăn trải bàn, bản đồ tư duy, trình bày một phút,...

Thứ tư, dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực với đời sống kinh tế để HS tiếp cận các vấn đề giáo dục kinh tế gắn gũi, dễ hiểu nhất.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là tiết kiệm

a) Mục tiêu: HS nêu được thế nào là tiết kiệm.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu một HS đọc to, rõ ràng câu chuyện trong SGK và mời các HS trong lớp trả lời câu hỏi:

a/ Em có suy nghĩ gì về hành động của bạn Hải?

b/ Em hiểu thế nào là tiết kiệm?

– GV có thể nêu thêm những câu hỏi gợi mở khai thác các tình tiết trong câu chuyện như:

+ Mục tiêu tiết kiệm của bạn Hải là gì?

+ Bạn Hải đã thực hiện tiết kiệm như thế nào?

– GV nhận xét và kết luận:

Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lí, đúng mức tiền bạc, của cải, thời gian, sức lực,... của mình và của người khác.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện của tiết kiệm

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của tiết kiệm trong cuộc sống (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước,...).

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn các nhóm học tập quan sát các bức tranh trong SGK để nêu được những biểu hiện tiết kiệm, chưa tiết kiệm ở nội dung các bức tranh:

+ Tranh 1: tiết kiệm sách vở, đồ dùng

+ Tranh 2: tiết kiệm tiền

+ Tranh 3: chưa tiết kiệm thời gian

+ Tranh 4: chưa tiết kiệm đồ dùng, thời gian, công sức

+ Tranh 5: Tiết kiệm điện

+ Tranh 6: Chưa tiết kiệm nước.

– Các nhóm kể thêm những biểu hiện tiết kiệm, lãng phí khác đối với tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...

– GV tổng hợp các ý kiến của các nhóm trên bảng/ giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu còn ý kiến khác và cùng HS rút ra kết luận về biểu hiện của tiết kiệm:

	Biểu hiện tiết kiệm
Tiền bạc	Quý trọng tiền bạc, sử dụng đúng mức tiền bạc của cá nhân, gia đình, tập thể và Nhà nước,...
Của cải	Bảo vệ tài sản, không làm hư hỏng, tận dụng đồ cũ, giữ gìn quần áo, sách vở, bảo vệ của công,...
Thời gian	Quý trọng thời gian, làm việc khoa học, có kế hoạch, đúng giờ,...
Tài nguyên	Khai thác và sử dụng đúng mức nguồn tài nguyên thiên nhiên như: đất đai, rừng, biển, sông ngòi, nguồn nước, khoáng sản,...

Điện	Dùng những vật dụng sử dụng điện khi cần thiết, tắt nguồn và các vật dụng không cần thiết, sử dụng các vật dụng tiết kiệm điện,...
Nước	Sử dụng nước hợp lí, áp dụng các biện pháp để tiết kiệm nước trong sinh hoạt, trong sản xuất, sử dụng các phương tiện tiết kiệm nước,...

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của tiết kiệm

a) Mục tiêu: HS giải thích được vì sao phải tiết kiệm.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

– Các nhóm học tập thảo luận về các trường hợp trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Trường hợp 1 với 2 câu hỏi:

a/ Em có nhận xét gì về cách chi tiêu của anh Hoà?

b/ Cách chi tiêu đó đã dẫn đến hậu quả gì?

+ Trường hợp 2 với câu hỏi: Từ câu chuyện của bạn Quang, em hãy rút ra ý nghĩa của việc tiết kiệm thời gian.

+ Trường hợp 3 với câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa của việc tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng.

– GV hướng dẫn các nhóm nghiên cứu trường hợp, mời một vài đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. GV cùng HS tổng hợp ý kiến và kết luận:

+ Trường hợp 1: Trong cuộc sống thường ngày, anh Hoà đã chi tiêu không tiết kiệm, kiếm được tiền nhưng tiêu hết không nghĩ đến ngày mai, đến những bất trắc có thể xảy ra trong cuộc sống. Hậu quả là khi công việc gặp khó khăn, lại đau ốm nên không có tiền để trang trải cuộc sống. Vì thế, trong cuộc sống ai cũng phải tiết kiệm để có được những khoản tiền dự phòng cho những bất trắc có thể xảy ra, nhờ đó mới làm chủ và tạo dựng được cuộc sống yên vui, hạnh phúc.

+ Trường hợp 2: Bạn Quang đã tiết kiệm thời gian bằng việc sắp xếp công việc hợp lí để thực hiện được những việc cần làm, những điều bản thân mong muốn. Tiết kiệm thời gian là rất quan trọng bởi vì thời gian đi qua không bao giờ trở lại.

+ Trường hợp 3: Phong trào “Hộ gia đình tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng” là hoạt động giáo dục con người về ý thức tiết kiệm điện, năng lượng mặt trời. Việc tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng góp phần giảm mức tiêu thụ điện, tiêu thụ năng lượng, giảm thiểu khí thải ô nhiễm môi trường, tiết kiệm một phần lớn chi phí cho gia đình và quốc gia.

– GV mời HS nhắc lại các ý nghĩa của tiết kiệm được rút ra từ ba trường hợp vừa nghiên cứu và nêu kết luận: *Tiết kiệm thể hiện sự quý trọng thành quả lao động và đảm bảo cho cuộc sống ổn định, ấm no, hạnh phúc và thành công.*

Hoạt động 4: Tìm hiểu cách thực hiện tiết kiệm

a) *Mục tiêu:* HS nêu được một số cách tiết kiệm trong cuộc sống.

b) *Nội dung – Tổ chức thực hiện:*

GV tổ chức cho mỗi nhóm thảo luận về cách thực hiện tiết kiệm theo bốn nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi, sau đó kết luận:

– Thực hiện tiết kiệm tiền: Bạn gái trong tranh đã liệt kê những thứ cần mua vào giấy và mua đúng như vậy thể hiện việc chi tiêu có kế hoạch, tránh lãng phí.

– Thực hiện tiết kiệm thời gian: Bạn nam đã thực hiện tiết kiệm thời gian bằng cách lập thời gian biểu ghi ra những việc cần làm trong khoảng thời gian cụ thể và thực hiện đúng theo thời khoá biểu đó. GV khuyến khích HS chia sẻ cách tiết kiệm thời gian của bản thân.

– Thực hiện tiết kiệm nước: GV nhấn mạnh nội dung các bức tranh nhắc em phải khoá vòi nước khi không dùng; thấy ống nước bị rò rỉ cần gọi người tìm cách sửa chữa nhanh để tiết kiệm nước.

– Thực hiện tiết kiệm điện: Có nhiều cách tiết kiệm điện như: tắt các phương tiện, thiết bị điện khi không cần thiết, sử dụng bóng đèn và các đồ dùng tiết kiệm điện, tận dụng ánh sáng tự nhiên để không phải bật đèn, sử dụng quạt, máy điều hòa để không phải dùng quạt điện, điều hòa,...

Lưu ý:

- 1/ Việc giáo dục kinh tế chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện các kỹ năng tài chính thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày của bản thân, gia đình. Vì vậy, GV cần tích hợp giáo dục kinh tế trong các bài giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục pháp luật.
- 2/ Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.
- 3/ Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong SGK. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lí của HS lớp mình dạy cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.
- 4/ Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kinh tế cho HS.

4 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Giáo dục pháp luật cho HS phổ thông là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch giúp HS có ý thức, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về pháp luật, trên cơ sở đó hình thành, phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Trong Chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở mới, giáo dục pháp luật chiếm 25% nội dung chương trình. Ở lớp 6, giáo dục pháp luật gồm các bài: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Quyền cơ bản của trẻ em và Thực hiện quyền trẻ em.

Để dạy học dạng bài giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, GV cần:

– Xác định rõ mục tiêu của bài học:

1/ Hình thành ở HS ý thức về những chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó định hướng cho các em những giá trị phù hợp với những chuẩn mực đó.

HS cần nắm được:

+ Yêu cầu của chuẩn mực hành vi pháp luật;

+ Sự cần thiết của việc thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (tác dụng của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai,...);

+ Cách thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (việc nào cần làm, việc nào cần tránh).

2/ Giáo dục cho HS thái độ đúng đắn liên quan tới các chuẩn mực hành vi pháp luật.

+ Tích cực, tự giác thực hiện chuẩn mực hành vi;

+ Đồng tình với hành vi đúng, phê phán hành vi sai.

3/ Hình thành ở HS hành vi, kĩ năng phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. HS biết:

+ Tự nhận xét hành vi của bản thân;

+ Nhận xét, đánh giá hành vi của người khác;

+ Xử lí tình huống pháp luật;

+ Thực hiện thao tác, hành động đúng theo mẫu qua trò chơi, đóng vai;

+ Điều tra, đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan tới bài học;

+ Thực hiện được các hành vi tích cực trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật.

– Đảm bảo tính logic của bài giáo dục pháp luật: Từ việc khám phá chuẩn mực hành vi pháp luật đến luyện tập hành vi và vận dụng vào trong thực tiễn.

– Chú ý tổ chức các hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng HS và hoàn cảnh thực tế.

Lưu ý:

1/ Trên đây chỉ là những gợi ý, GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo để thiết kế kế hoạch bài học sao cho phù hợp với nội dung bài học, năng lực HS, năng lực GV và điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên, GV vẫn phải đảm bảo đạt được tính

logic, tính hiệu quả của bài học, đáp ứng mục tiêu của chương trình.

2/ Việc phân biệt các dạng bài nêu trên chỉ mang tính chất tương đối, bởi vì giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật cũng rèn kỹ năng sống cho HS; ngược lại, việc giáo dục kỹ năng sống cần hướng tới giáo dục giá trị sống, giá trị đạo đức, giá trị pháp luật cho HS.

Ví dụ bài 14 *Quyền cơ bản của trẻ em* (SGK trang 50, 51, 52, 53, 54) được triển khai trong SGK như sau:

1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS nghe bài hát *Quyền trẻ em* và ghi tên các quyền trẻ em được nhắc tới trong bài hát.
- GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các bạn khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và kết luận: Nội dung bài hát này đã đề cập đến một số quyền của trẻ em như: quyền được chăm lo, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia, quyền được đến trường, quyền được vui chơi. Đây là những quyền mà mỗi trẻ em đều được hưởng.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em

a) Mục tiêu:

- HS nêu được bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em.
- HS giải thích được vì sao trẻ em cần phải có bốn nhóm quyền cơ bản.

b) Nội dung – Tổ chức thực hiện:

GV giới thiệu vài nét về Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Luật Trẻ em năm 2016 và bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em theo nội dung trong SGK.

* Nhóm quyền được sống còn

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy kể tên các quyền trong nhóm quyền được sống còn của trẻ em.

2/ Vì sao trẻ em cần có quyền được sống còn?

- HS thảo luận nhóm.

Gợi ý:

1/ Quyền sống còn của trẻ em gồm: quyền được khai sinh, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng...

2/ Trẻ em cần có quyền được sống còn vì trẻ em còn nhỏ, sức khỏe cả thể chất và tinh thần còn yếu nên dễ gặp phải các nguy cơ ảnh hưởng đến sự sống còn. Do đó trẻ em cần có quyền được sống còn để được yêu thương, chăm sóc nhằm duy trì sự sống.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý (có thể để tất cả các nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi hoặc một nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại bổ sung ý kiến).

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm và kết luận:

+ Nhóm quyền được sống còn của trẻ em bao gồm quyền của trẻ em được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất.

+ Các quyền được sống còn của trẻ em: quyền được sống; quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được sống chung với cha mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ; quyền được đảm bảo an sinh xã hội.

+ Tất cả mọi người đều có quyền được sống. Trong đó, trẻ em là những người còn nhỏ tuổi, thể chất và tinh thần chưa phát triển hoàn thiện nên sẽ gặp nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sự sống còn nhất. Vì vậy, trẻ em cần được đảm bảo nhóm quyền được sống còn để được quan tâm, chăm sóc về dinh dưỡng, y tế và tinh cảm nhằm duy trì sự sống.

• Nhóm quyền được bảo vệ

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập đến những quyền nào của trẻ em cần được bảo vệ.

2/ Vì sao trẻ em cần có quyền được bảo vệ?

- HS thảo luận nhóm.

Gợi ý:

1/ Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, không bị bóc lột sức lao động, không bị xâm hại tình dục và quyền bị mặt đời sống riêng tư.

2/ Trẻ em còn non nớt về thể chất, tinh thần và thiếu kinh nghiệm sống nên rất dễ bị xâm hại, lạm dụng, bóc lột, bắt cóc,... Do đó trẻ em cần có quyền được bảo vệ để đảm bảo an toàn cho bản thân.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý (có thể để tất cả các nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi hoặc một nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại bổ sung ý kiến).

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm và kết luận:

+ Nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bóc lột, xâm hại.

+ Các quyền được bảo vệ của trẻ em: quyền bị mặt đời sống riêng tư; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục; quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bóc lột, bóc lột, bóc lột; quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy; quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang.

+ Trẻ em nhỏ tuổi, thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân cách còn đang trong giai đoạn phát triển, chưa có nhiều sự trải nghiệm trong cuộc sống, thiếu kinh nghiệm sống nên trẻ em cần có quyền được bảo vệ để chống lại tất cả các hình thức bạo lực, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục, sao nhãng, bỏ rơi, buôn bán, bắt cóc, chiếm đoạt và lạm dụng ma túy.

• Nhóm quyền được phát triển

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập tới quyền được phát triển nào của trẻ em.

2/ Vì sao trẻ em cần có quyền được phát triển?

- HS thảo luận nhóm.

Gợi ý:

1/ Quyền được học tập, quyền được vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu.

2/ Trẻ em cần có quyền được phát triển vì trẻ em là đối tượng còn non, cần phải trải qua quá trình phát triển để hoàn thiện về thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân cách. Trong quá trình này trẻ em cần được cung cấp các điều kiện cần thiết về dinh dưỡng, giáo dục, vui chơi giải trí, rèn luyện,... để phát triển một cách toàn diện.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm và kết luận:

+ Nhóm quyền được phát triển của trẻ em là nhóm quyền nhằm đáp ứng các nhu cầu cho trẻ em được phát triển một cách toàn diện.

+ Các quyền được phát triển của trẻ em: quyền được có mức sống đầy đủ; quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; quyền vui chơi, giải trí; quyền giữ gìn, phát huy bản sắc; quyền tự do tin ngưỡng, tôn giáo.

+ Trẻ em là những con người đang trong giai đoạn phát triển để hoàn thiện về thể chất (chiều cao, cân nặng, sức khỏe), tinh thần, trí tuệ, nhân cách,... Do đó, trẻ em cần được đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết để phát triển bản thân một cách hài hòa. Nếu không được đáp ứng đầy đủ các quyền được phát triển, trẻ em có thể phải chịu những thiệt hại về thể chất (suy sinh dưỡng, sức khoẻ yếu...), tổn thương về tâm lý, thiếu hụt về trí tuệ, lệch lạc về nhân cách.

• Nhóm quyền được tham gia

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

- 1/ Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập tới quyền được phát triển nào của trẻ em?
- 2/ Vì sao trẻ em cần có quyền được tham gia.

- HS thảo luận nhóm.

Gợi ý:

1/ Quyền được phát biểu ý kiến, quan điểm riêng của bản thân về những vấn đề liên quan đến trẻ em; quyền được giao lưu, kết bạn, tụ tập một cách hoà bình.

2/ Trẻ em có nhân thức, tình cảm, suy nghĩ riêng về những điều mà các em tiếp nhận từ thế giới xung quanh; trẻ em có quyền bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm và kết luận:

+ Nhóm quyền được tham gia của trẻ em là những quyền nhằm đảm bảo cho trẻ em được tham gia vào các vấn đề liên quan đến bản thân bằng những cách thức phù hợp với nhân thức và độ tuổi.

+ Nhóm quyền được tham gia của trẻ em gồm: quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em; quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

+ Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình, được tham gia vào các hoạt động xã hội phù hợp với năng lực và độ tuổi của bản thân. Thực hiện quyền được tham gia giúp cho trẻ em hiểu biết và nâng cao hơn nhận thức, tích lũy được kinh nghiệm, giúp người lớn đưa ra những quyết định đúng đắn nhất để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống có liên quan tới trẻ em.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

a) Mục tiêu: HS giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

b) Nội dung - Tổ chức thực hiện:

- GV giao cho các nhóm thảo luận câu hỏi sau:

a/ Em hãy cho biết, quyền trẻ em có ý nghĩa như thế nào?

b/ Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu các quyền của trẻ em không được thực hiện?

- GV mời đại diện các nhóm trả lời bài câu hỏi trên. Sau khi đại diện các nhóm trả lời câu hỏi thì các thành viên khác trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét và kết luận:

+ Quyền trẻ em thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, bảo vệ của cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia đối với trẻ em. Đây là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Quyền trẻ em đảm bảo cho trẻ em được sống, được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn và bình đẳng. Thực hiện quyền trẻ em cũng là sự đảm bảo cho tương lai tươi đẹp của đất nước và của toàn nhân loại.

+ Trẻ em là tương lai của nhân loại. Nếu quyền trẻ em không được thực hiện, trẻ em sẽ phải đối diện với rất nhiều nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến sự phát triển và sống còn của bản thân, tình trạng bất bình đẳng và tệ nạn xã hội sẽ không ngừng gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của các quốc gia và toàn thế giới. Do đó, mỗi quốc gia cần có sự quan tâm, quan trọng việc thực hiện quyền trẻ em.

- Kết thúc hoạt động khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phân chốt nội dung chính thức ở SGK.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể.

b) Nội dung - Tổ chức thực hiện:

1/ Trò chơi "Tiếp sức" kể về bốn nhóm quyền của trẻ em

- GV chia lớp thành bốn nhóm và phổ biến luật chơi: Các nhóm lần lượt kể tên các quyền cụ thể trong bốn nhóm quyền của trẻ em theo hình thức nối tiếp (ví dụ: nhóm 1 kể tên một quyền được sống còn xong thì nhóm 2 sẽ kể tiếp tên một quyền được phát triển...). Các nhóm sẽ lần lượt kể tên các quyền cụ thể trong bốn nhóm quyền cho đến khi hết. Nếu một nhóm nào đó kể sai tên hoặc không biết thì các nhóm còn lại sẽ được phép bổ sung. Nhóm nào kể sai tên hoặc kể được ít nhất thì sẽ bị phạt (ví dụ: hát một bài hoặc làm một hành động ngộ nghĩnh nào đó).

- GV nhận xét các nhóm và kết luận những nội dung chính về bốn nhóm quyền của trẻ em.

2/ Sắp xếp các quyền cụ thể của trẻ em theo bốn nhóm quyền

- GV có thể thiết kế thành phiếu học tập, sau đó phát cho HS và yêu cầu HS liệt kê vào phiếu.

PHIẾU HỌC TẬP			
Nhóm quyền được sống còn	Nhóm quyền được bảo vệ	Nhóm quyền được phát triển	Nhóm quyền được tham gia

- Sau khi HS hoàn thành việc trả lời câu hỏi và điền phiếu, GV tổng hợp các ý kiến trên bảng hoặc giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu thấy chưa đầy đủ và rút ra kết luận:

+ Nhóm quyền được sống còn: G, G, H;

+ Nhóm quyền được bảo vệ: E, L;

+ Nhóm quyền được phát triển: A, C, I;

+ Nhóm quyền được tham gia: D, K;

3/ Kể về một tấm gương thực hiện tốt quyền của trẻ em và rút ra bài học cho bản thân.

GV có thể lựa chọn một trong hai cách sau:

- Cách 1: GV nêu yêu cầu bài tập, cho HS thời gian suy nghĩ, sau đó chỉ định (hoặc lấy tình thần xung phong) một vài bạn kể câu chuyện về tấm gương thực hiện tốt quyền trẻ em và nêu bài học mà bản thân rút ra từ câu chuyện về tấm gương đó. Cuối cùng, GV nhận xét và chốt lại vấn đề.

- Cách 2: GV yêu cầu HS làm bài tập ở nhà và làm trên giấy, HS kể lại một câu chuyện thực hiện tốt quyền trẻ em và rút ra bài học cho bản thân, sau đó nộp lại cho GV. Trong tiết học hôm sau, GV sẽ lựa chọn một vài bài viết để đọc cho cả lớp nghe rồi nhận xét và chốt lại vấn đề.

4/ Xử lý tình huống

- GV chia lớp thành các nhóm và cho HS sắm vai xử lý theo yêu cầu: HS đọc tình huống trong SGK, thảo luận lên kịch bản đóng vai.

+ Đóng vai Quân và bố mẹ để trả lời câu hỏi "Quân hiểu về quyền trẻ em trong tình huống là đúng hay sai? Vì sao?" và đưa ra cách xử lý tích cực, phù hợp cho Quân khi bị bố mẹ mắng.

Gợi ý:

+ Quân hiểu về quyền trẻ em sai vì:

• Sách tham khảo là do bố mẹ bố tiền ra mua, là tài sản trong gia đình.

• Mục đích Quân cho bạn sách là vì không thích đọc, cho người khác để không phải đọc nữa.

+ Trẻ em còn nhỏ, chưa làm việc để kiếm được tiền, những tài sản trong nhà đều do bố mẹ làm ra. Sách vở và những đồ dùng mà bố mẹ mua là để cho các em học tập, sinh hoạt. Khi các em muốn mang sách vở, đồ dùng này cho người khác thì các em cần hỏi ý kiến của bố mẹ, tuyệt đối không nên vì lời biếng, không muốn sử dụng mà mang sách vở, đồ dùng của mình đi cho.

+ Bố mẹ Quân: giải thích cho Quân vì sao tự ý mang sách cho bạn là sai, nếu muốn cho bạn sách Quân nên hỏi ý kiến bố mẹ, nếu không muốn đọc sách tham khảo đó thì nên nói với bố mẹ để chọn mua quyển khác phù hợp hơn...

+ Quân: xin lỗi bố mẹ vì đã tự ý mang sách tham khảo cho bạn, giải thích cho bố mẹ vì sao không thích đọc sách, nhờ bố mẹ giúp đỡ nếu đọc thấy khó hiểu, góp ý với bố mẹ loại sách tham khảo mà mình thích.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS liên hệ thực tế về quyền trẻ em và ý nghĩa quyền trẻ em.

b) Nội dung - Tổ chức thực hiện:

1/ Em hãy sưu tầm hoặc vẽ tranh về quyền trẻ em và chia sẻ ý nghĩa của bức tranh đó.

- GV yêu cầu HS sưu tầm hoặc vẽ tranh về quyền trẻ em. Sau đó GV có thể chọn một trong hai cách sau:

- Cách 1: GV chỉ định (hoặc lấy tình thần xung phong) một vài bạn lên chia sẻ ý nghĩa của bức tranh về quyền trẻ em mà mình đã sưu tầm hoặc đã vẽ với cả lớp. HS khác nhận xét, góp ý. GV nhận xét, đánh giá và chốt lại vấn đề.

- Cách 2: GV thu lại tất cả các bức tranh mà HS đã sưu tầm hoặc vẽ được, lựa chọn những bức tranh tiêu biểu để HS chia sẻ lại ý nghĩa của những bức tranh ấy với cả lớp. HS khác nhận xét, góp ý. GV nhận xét, đánh giá và chốt lại vấn đề.

2/ Em hãy viết thư tư vấn cho một bạn hay bị bỏ đánh và dọa cho nghỉ học để giúp bạn được hưởng các quyền cơ bản của trẻ em.

- GV hướng dẫn HS về nhà viết bức thư, sau đó nộp vào tiết học tuần sau.

- Nội dung của bức thư nên tập trung vào các nội dung:

+ Đồng cảm, chia sẻ và động viên khi quyền trẻ em của bạn bị xâm phạm.

+ Khuyến bạn nên đấu tranh, nhờ sự can thiệp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giúp đỡ để bạn không bị bỏ đánh và dọa cho nghỉ học.

- Ở tiết học sau, GV có thể lựa chọn một vài bức thư ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe. HS nhận xét, góp ý. GV nhận xét và chốt lại vấn đề.



1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV Giáo dục công dân 6 gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung

- Mục tiêu, nội dung chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở và yêu cầu đối với môn Giáo dục công dân lớp 6;
- Tài liệu và phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6;
- Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân lớp 6.

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Đây là nội dung cơ bản của SGV, bao gồm những gợi ý cụ thể cho GV xây dựng kế hoạch bài học cho 12 bài/ 10 chủ đề trong sách HS. Mỗi bài học được trình bày theo thứ tự: 1/ Mục tiêu; 2/ Thiết bị dạy học và học liệu; 3/ Tiến trình dạy học.

Cấu trúc từng bài trong SGV Giáo dục công dân 6 gồm:

- Mục tiêu: Việc xác định mục tiêu bài học bám sát vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.
- Thiết bị dạy học và học liệu: Những gợi ý về việc sử dụng tài liệu và phương tiện dạy học.
- Tiến trình dạy học: Các hoạt động dạy học chủ yếu được thiết kế theo các bước: 1/ Tên hoạt động; 2/ Mục tiêu; 3/ Nội dung – Tổ chức thực hiện.

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV Giáo dục công dân 6 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học Giáo dục công dân. Sách giúp GV có được những hiểu biết cơ bản về dạy học môn Giáo dục công dân 6. Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều

kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: Sách gợi ý sử dụng phương tiện dạy học là SGK, tranh ảnh, bài hát, video,... song với những nơi có điều kiện thuận lợi, GV có thể sử dụng video, máy chiếu, tranh ảnh khổ lớn,...; những nơi không có điều kiện thuận lợi, GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh trong SGK. GV cũng có thể dùng cách khởi động khác với gợi ý của sách (bài hát, trò chơi khác, hoạt động khác...); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng. GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng chủ đề (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ: 35% thời lượng dành cho giáo dục đạo đức, 20% thời lượng dành cho giáo dục kĩ năng sống; 10% thời lượng dành cho giáo dục kinh tế; 25% thời lượng dành cho giáo dục pháp luật và 10% thời lượng dành cho kiểm tra, đánh giá.

2 GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO

Bài tập Giáo dục công dân 6 là phương tiện bổ trợ cho GV và HS trong quá trình dạy – học môn Giáo dục công dân. Sách gồm các bài tập được xây dựng theo mục tiêu của môn Giáo dục công dân 6 nói chung, mục tiêu của từng chủ đề/ bài học nói riêng, phù hợp với tiến trình bài học và quy luật nhận thức của HS, gồm: 1/ Bài tập nhiều lựa chọn: Một câu hỏi có khoảng 4 – 5 phương án trả lời, trong đó chỉ có một phương án đúng; lựa chọn việc nên làm – không nên làm với các tình huống đúng – sai tương đương,...; 2/ Bài tập nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và của người khác; 3/ Bài tập xử lí tình huống; 4/ Bài tập rèn luyện hành vi; 5/ Bài tập liên hệ bản thân; 6/ Bài tập liên hệ thực tế;...

Trên đây là những dạng bài tập cơ bản trong dạy học môn Giáo dục công dân 6. GV có thể sử dụng các bài tập này trong các tiết Giáo dục công dân hoặc cho HS làm bài tập vào giờ học buổi chiều (với những trường học hai buổi/ ngày). Ngoài ra, GV có thể đưa ra một số dạng bài tập khác cho HS luyện tập. Giống như SGK, Bài tập Giáo dục công dân 6 cũng không mang tính pháp lệnh mà chỉ là công cụ bổ trợ cho GV trong quá trình dạy học. HS không bắt buộc phải làm tất cả các bài tập trong sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẤT THẮNG

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *taphuan.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6**

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: